

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 11-6-2024.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Văn Tân.

- Bà Lâm Thị Loan Em.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2024, về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-NHGD, ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị H, sinh ngày 01/01/1989 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang

- *Bị đơn:* Anh Triệu H1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/03/2024 nguyên đơn chị Thị H trình bày:

Chị Thị H và anh Triệu H1 chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/01/2014. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không còn

sống chung. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Triệu H1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị H và anh H1 có 01 người con chung tên Triệu Thị Mỹ H2, sinh ngày 26/4/2015, chị H đang nuôi con, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Triệu H1 không có văn bản cung cấp lời khai.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phân tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, về con chung đề nghị giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng, tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, vắng không có lý do. Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị H và anh Triệu H1 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Chị H yêu cầu ly hôn, anh H1 không có văn bản trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua lời trình bày của nguyên đơn, qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống chị H và anh H1 thực tế có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau và cho đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không hoà giải được, nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn chị Thị H và anh Triệu H1 có một người con là Triệu Thị Mỹ H2, sinh ngày 26/4/2015, Hội đồng xét xử xét thấy chị H3 yêu cầu chị được quyền nuôi con, anh H1 cũng không phản đối yêu cầu của chị H, Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu H2, cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con cho chị H nuôi dưỡng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên do chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở anh H1 thực hiện quyền của mình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Thị H là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng, theo quy định tại Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[6] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị H được ly hôn với anh Triệu H1.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Thị Mỹ H2, sinh ngày 26/4/2015 cho chị Thị H trực tiếp nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Triệu H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn chị Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0000536 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, chị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Trịnh Thị Bích Phượng